

# HỌ CỦA NGƯỜI RA-GLAI

Tạ Văn Thông<sup>a</sup>  
Tạ Quang Tùng<sup>b</sup>

<sup>a</sup> Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

Email: [tavanthong1955@gmail.com](mailto:tavanthong1955@gmail.com)

<sup>b</sup> Viện Ngôn ngữ học Việt Nam

Email: [quangtung7391@gmail.com](mailto:quangtung7391@gmail.com)

Ngày nhận bài: 07/5/2020

Ngày phân biên: 14/9/2020

Ngày tác giả sửa: 16/9/2020

Ngày duyệt đăng: 23/9/2020

Ngày phát hành: 30/9/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/400>

**T**rong ngôn ngữ và văn hóa tinh thần của dân tộc Ra-glai, họ (và tên) người cần được chú ý từ nhiều phương diện. Đằng sau những từ ngữ rất đặc biệt này là đời sống xã hội và văn hoá một thời, đồng thời phản ánh phần nào lối tri nhận về thế giới của người Ra-glai.

“Họ” người Ra-glai vốn để gọi các “vật thiêng”, “vật bảo trợ”, là totem hoặc có đặc tính của các totem (sự vật hay hiện tượng tự nhiên được người xưa tin là có mối liên hệ với thần linh, có sự gắn gũi máu mủ với mình và coi là biểu tượng thiêng liêng của mình). Qua các huyền thoại, có thể thấy “họ” gốc của người Ra-glai thường mang tính “nữ”, gắn với những dấu tích của hình thái đại gia đình trong các thị tộc mẫu hệ.

Các “họ” Ra-glai hiện đang trong quá trình bảo lưu và biến đổi, được Việt hóa theo cách “chuyển âm, dịch nghĩa”. Sự “tiếp biến văn hóa” này có thể khiến cho một số nét văn hóa Ra-glai không còn nguyên bản.

**Từ khóa:** Họ và tên; Totem; Người Ra-glai; Tiếng Ra-glai; Huyền thoại; Văn hóa dân tộc.

## 1. Đặt vấn đề

Người Ra-glai là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam. Theo số liệu thống kê năm 2019, họ có 146.613 người, tập trung chủ yếu ở các tỉnh như Khánh Hoà (gồm các huyện: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Ranh, Diên Khánh, Ninh Hoà...), Ninh Thuận (gồm các huyện: Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước...), Bình Thuận (gồm các huyện: Hàm Thuận Nam, Tánh Linh, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình...), Lâm Đồng (gồm các huyện: Di Linh, Đức Trọng...). Tên chính thức của dân tộc này (được ghi trong Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam là *Ra-glai*, nhưng trong các tài liệu khác nhau và trong giao tiếp xã hội, tên dân tộc này còn được đọc và ghi: *Raglai*, *Radlai*, *Ranglai*, *Roglai*, *Rắc Lây*... Bằng tiếng Ra-glai (và trên chữ Ra-glai) là *Radlai*. Tộc danh đầy đủ này vốn có thể là *arak dlai*. Trong tiếng Ra-glai, *arak* có nghĩa là “người”, còn *dlai* (hay *glai*) có nghĩa là “rừng”. *Arak glai* có nghĩa là “người ở trên rừng”.

Tiếng Ra-glai là ngôn ngữ tộc người của dân tộc Ra-glai. Một số nhà nghiên cứu trước đây cho rằng tiếng Ra-glai là một bộ phận, là tiếng địa phương của tiếng Chăm. Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây về ngôn ngữ này lại cho thấy Ra-glai là một ngôn ngữ riêng biệt, tuy rất gần với tiếng Chăm.

Theo cách phân loại cội nguồn phổ biến hiện

nay, tiếng Ra-glai thuộc các ngôn ngữ tiểu nhóm Ven Biển, nhóm Chăm (*Chamic* hay “Chăm-Ê Đê”) của nhánh Hesperonesia của chi Nam Đảo Tây của ngữ hệ Nam Đảo (*Austronesian*). Ở Việt Nam, ngữ hệ này chỉ có các đại diện của nhóm Chăm (*Chamic*), nên gọi chung là “các ngôn ngữ Chăm”...

Dân tộc Ra-glai có truyền thống văn hóa đặc sắc. Họ là chủ nhân của loại hình “đàn đá” nổi tiếng. Cồng, chiêng, mã la, đàn *chapi*, sáo *tret* là những nhạc cụ truyền thống. Dân ca Ra-glai phong phú về làn điệu. Đặc biệt, người Ra-glai còn lưu giữ những bộ sử thi (*akhat jukar*) đồ sộ như bộ *Udai Ujác* có độ dài 14.632 dòng (được phát hiện ở xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa), bộ *Sa Ea* có độ dài 22.272 dòng (được phát hiện ở xã Phước Tân, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận)...

Họ (và tên) của người Ra-glai đáng chú ý trong ngôn ngữ và văn hóa tinh thần của dân tộc này. Trên chữ viết Ra-glai và vang lên qua giọng nói Ra-glai, các từ ngữ này có dáng vẻ rất đặc biệt.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong khi tiếng Chăm (họ hàng gần với Ra-glai) từ lâu đã là đối tượng nghiên cứu, thì tiếng Ra-glai mãi gần đây mới thật sự thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu. Trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến đầu XX, chỉ có một vài công trình có nhắc đến Ra-glai, chủ yếu là ở mặt dân tộc

học. Công trình ngôn ngữ học đáng chú ý trong giai đoạn này: “Vietnamien – Koho – Roglai – Francais Lexique polyglote” (Tự vị Việt – Koho – Raglai – Pháp) (Bochet & Dournes, 1953)

Có một vài công trình về tiếng Ra-glai đã được biên soạn, trong đó có Luận án tiến sĩ của Ernest Wilson Lee (1966) “Proto – Chamic Phonologic Word and Vocabulary”. Tác giả đã dành một phần miêu tả về cơ cấu tiếng Ra-glai, xem đó là tiêu biểu cho ngôn ngữ Tiên Châm, xếp tiếng Ra-glai vào nhánh Châm Nam đối lập với nhánh Châm Bắc...

Đã có một số kinh thánh viết bằng tiếng Ra-glai, ví dụ: “Muse si phau cumoi” (Cuộc đời Môise) năm 1974. Tiếp đến là cuốn “Bài học tiếng Ra-glai của Maxwell” và Vurnell Cobbey...

Các nhà nghiên cứu Việt Nam, từ những năm 70 của thế kỷ XX trở đi đã chú ý nghiên cứu về ngôn ngữ này. Có thể kể đến bài “Vài nét về ngôn ngữ Malayo – Pôlinêsi” (Dêl & Sinh, 1974) đã giới thiệu khái quát tiếng Ra-glai.

Vào những năm 1994 – 1996, có chương trình “Sưu tầm nghiên cứu xây dựng chữ viết tiếng Ra-glai” của UBND tỉnh Khánh Hòa (chủ nhiệm đề tài: Trần Vũ). Các tác giả đã tiến hành khảo sát tiếng Ra-glai ở các xã Cam Thịnh Tây, Cam Phước Tây và Sơn Tân thuộc huyện Cam Ranh và một số xã thuộc huyện Khánh Vĩnh (tỉnh Khánh Hòa), đồng thời ở một số nơi giáp ranh với Khánh Hòa là các xã gồm Phước Thành, Phước Bình, Phước Đại của huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận). Chữ Ra-glai cũng được dùng biên soạn “Ngữ vựng đối chiếu Ra-glai - Việt năm 1996” (chưa in) của các tác giả này.

Năm 2001 – 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã hợp tác với Viện Ngôn ngữ học thực hiện đề tài “Xây dựng chữ viết Ra-glai”. Kết quả là có “Phương án chữ viết Ra-glai” và sách học tiếng Ra-glai (Sanauq Radlai – Tiếng Ra-glai).

Họ và tên của người Ra-glai đã được nhắc đến trong các cuốn “Văn hóa và xã hội người Ra-glai ở Việt Nam” (Biên, 1998) từ góc nhìn dân tộc học và “Truyện cổ Ra-glai” (Sang, 1993) từ góc nhìn của văn học dân gian. Chưa có tài liệu ngôn ngữ học nào miêu tả họ và tên của người Ra-glai.

### 3. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu

Phương pháp điền dã ngôn ngữ học: quan sát về ngôn ngữ và văn hóa đối với tên họ người Ra-glai; miêu tả: từ phân tích các sự kiện cụ thể, tổng hợp thành quy luật chung về họ người Ra-glai.

Tư liệu: Tiếng Ra-glai ở huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận) và huyện Khánh Vĩnh (tỉnh Khánh Hòa); tham khảo các tài liệu văn học dân gian Ra-glai và các sách đã xuất bản trước đây. Trong bài

này, tư liệu tiếng Ra-glai ghi bằng chữ Ra-glai có xen với Quốc ngữ.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Một số khái niệm chung

**Họ<sub>1</sub> d.** 1 Tập hợp gồm những người có cùng một tổ tiên, một dòng máu 2 Tiếng đặt trước tên riêng, dùng chung cho những người cùng một họ để phân biệt với họ khác...

**Chi<sub>1</sub> d.** Ngành trong một họ.

**Tên<sub>2</sub> d.** 1 Từ hoặc nhóm từ dùng để chỉ một cá nhân, cá thể, phân biệt với những cá nhân, cá thể khác cùng loại.

**Tên riêng d.** Tên gọi của từng cá nhân, cá thể, phân biệt với những cá nhân, cá thể khác cùng loại.

**Tên đệm (hay tên lót) d.** Tên đặt thêm vào giữa những âm, những tiếng khác (gọi tắt là “đệm” hoặc “lót”).

**Totem d.** Động vật, thực vật, vật hoặc hiện tượng tự nhiên mà cộng đồng nguyên thủy tin là có mối liên hệ siêu tự nhiên, có sự gắn gũi máu mủ với mình và coi là biểu tượng thiêng liêng của mình.

**Totem giáo d.** Tín ngưỡng totem, một hình thái tôn giáo nguyên thủy...

(Ghi chú: Sự phân biệt “họ” và “chi” nói trên là ở trong “dòng” (khái niệm chỉ quan hệ thân tộc trong nghiên cứu xã hội học, là “toàn thể nói chung những người hoặc gia súc cùng huyết thống, làm thành những thế hệ kế tiếp nhau”, từ đó có dòng họ, dòng dõi, dòng tộc...). Trong cấu trúc tên người từ phương diện ngôn ngữ học, “họ” và “chi” đều đứng vào vị trí của họ.

### 4.2. Các họ của người Ra-glai

Họ và tên đầy đủ hiện nay của người Ra-glai có thể gồm hai yếu tố (thường là tên nam) hoặc ba yếu tố (thường là tên nữ), theo trình tự “họ – (đệm) – tên riêng”. Mỗi yếu tố (trừ “đệm” thường có hình thức một “âm tiết”) có thể là một, hai hoặc hơn hai “âm tiết”.

Tên nam thường không có yếu tố “đệm” chỉ giới tính như tên nữ. Tuy nhiên, trong các tên riêng kép (ví dụ: Hải Linh, Quốc Chánh...), thường khi gọi tên người ta chỉ nhắc đến yếu tố đi sau (Liên, Chánh...) và như vậy yếu tố đi trước (Hải, Quốc...) nghiễm nhiên có một vai trò thứ yếu, gần như yếu tố “đệm”, được viết dưới đây:

*Bo Bo Tời Cau Quoir*

*Chamaleq Bin*

*Chamaleq Tiép*

*Kator Kothay*

*Mầu Quốc Chánh*

*Mai Thiq Linh*

*Pinăng Thuyên*

*Pinăng Trung*

*Pupôr Thiq Hải Linh...*

Trên các giấy tờ hành chính, tên nữ Ra-glai thường có “đệm” là *Thiq* (*Thi* – mượn tiếng Việt, là dạng sao phỏng tên nữ người Việt). Hình thức và vai trò các yếu tố khác (họ, tên riêng) trong tên nữ giới tương tự như trong tên nam giới sau đây:

*Chamaleq Thị Hónh*

*Chamaleq Thiq Đính*

*Kator Thiq Papuq*

*Mai Thiq Huệ*

*Mầu Thiq Bích Phanh*

*Pinăng Thiq Boq*

*Patâu Asah Thiq Soai...*

Trong lời nói thân thiện, khi nói đến tên ai đó, người ta thường không gọi thẳng, mà thường có một yếu tố đi kèm (được phát âm không có trọng âm) trước tên riêng này, là *mu* (trên chữ viết ghi là *M'*, ví dụ: *M'Rin*, *M'Se*, *M'Dai...*). *Mu* là gì và nó có vai trò thế nào trong tên người? Có thể đây là một dấu tích của một lối gọi tên người cổ xưa, như đã thấy ở các dân tộc như Cơ ho hoặc Xơ đăng. Ở người Cơ ho, trước tên nam có *Kor*, chữ viết ghi là *K'*; trước tên nữ có *Ka*, chữ ghi là *Ka*. Còn ở người Xơ đăng, trước tên nam có *A* và trước tên nữ có *Y* ... Tuy nhiên, ở người Ra-glai, yếu tố *Mu* này lại không giúp phân biệt giới tính. Có thể nó vốn có nguồn gốc từ *manũih* (có nghĩa là “người”) chăng?

Các họ chính của người Ra-glai:

<i>Chamaleq</i>	(nghĩa là “dây máu” – chỉ thứ dây trong rừng có nhựa đỏ như máu)
<i>Kator</i>	(“cây bo bo”)
<i>Patâu Asah</i>	(“đá mài”)
<i>Pinăng</i>	(“cau”)
<i>Pupôr</i>	(“khuôn tro”)

Ngoài các họ chính vừa đề cập ở trên, ở một số vùng Ra-glai còn có một số họ khác không phổ biến như sau:

<i>Ađoq</i>	(“khoai môn”)
<i>Eh Lumăn</i>	(“cứt voi”)
<i>Hadai</i>	(tên làng Hà Đai)
<i>Kamau</i>	(tên làng Kamau)
<i>Krong</i>	(“sông”)

*Lapoh* (“lá trâu”)

*Posai* (“sắt”)

*Sop* (“giỏ đựng cơm”)

*Tajong* (tên núi Tà In)

*Tapôh* (“cây đốt”)

*Tathioq* (“ven rừng”)

Các họ không phổ biến này có xuất xứ dễ giải thích hơn so với các họ phổ biến (*Chamaleq*, *Kator*, *Patâu Asah*, *Pinăng*, *Pupôr*). Các họ này gắn với nơi cư trú hoặc đặc điểm sinh thái nơi cư trú (núi, làng, sông, lá trâu, cây đốt...). Điểm khác căn bản giữa hai loại họ vừa nhắc đến là loại thứ hai có một số đơn vị không có nguồn gốc từ các vật linh và bót tính huyền thoại.

Trên thực tế, các họ của người Ra-glai đã có một quá trình theo các hướng bảo lưu và biến đổi, được Việt hóa theo cách “chuyên âm, dịch nghĩa” và chọn sử dụng theo hướng “nguyên bản” hoặc “nhã hóa”:

<i>Kator</i>	(“bo bo”), có các biến thể là: <i>Kator</i> ; <i>Bo Bo</i>
<i>Pupôr</i>	(“khuôn tro”), biến thể: <i>Pupôr</i> ; <i>Tro</i>
<i>Chamaleq</i>	(“dây máu”), biến thể: <i>Chamaleq</i> ; <i>Máu</i> ; <i>Mầu</i>
<i>Patâu Asah</i>	(“đá mài”), biến thể: <i>Patâu</i> <i>Asah</i> ; <i>Mài</i> ; <i>Mai</i>
<i>Pinăng</i>	(“cau”), biến thể: <i>Pinăng</i> ; <i>Cau</i> ; <i>Cao</i>

Từ *Patâu Asah* thành *Mai*, từ *Chamaleq* thành *Mầu* và từ *Pinăng* thành *Cao*, nghĩa của các “họ” này đã không còn là cốt yếu nữa, trước yêu cầu “nhã hóa”.

Trong mỗi họ của người Ra-glai lại được phân ra nhiều “chi”. Số lượng họ trên thực tế là hữu hạn, nhưng số lượng các chi rất lớn và có xu hướng ngày càng nhiều hơn nữa. Điều đáng chú ý là phần lớn “chi” này vốn mang nghĩa và không nhất thiết chỉ sự vật, được người Ra-glai ở các vùng khác nhau giải thích theo cách riêng, có nhiều cách giải thích. Đây cũng có thể xem là tiền đề của quá trình “mất thiêng” của các chi này. Chúng không được gắn với các huyền thoại và dần trở thành thuần túy hình thức.

- Họ *Chamaleq* có các chi:

<i>Ahoq Joh</i>	(“thuyền – gậy”)
<i>Đakaq</i>	(“gốc cây”)
<i>Hoaq Akoq Kubau</i>	(“kéo - đầu - trâu”)
<i>Iku Asâu</i>	(“đuôi - chó”)

<i>Prau</i>	(“dây cứng”)
- Họ <i>Pinǎng</i> có các chi:	
<i>Joh La-o</i>	(“gãy - ngọn”)
<i>Raliq</i>	(“sáp ong”)
<i>Sidoq Keq</i>	(“kiến - cắn”)
<i>Truq Akoq Chrai</i>	(“trụt - đầu - xuống”)
- Họ <i>Kator</i> có các chi:	
<i>Bo</i>	(“lép”)
<i>Buk</i>	(“cái bò, cái cót”)
<i>Ia Soq</i>	(“nước trôi”)
<i>Iku</i>	(“đuôi”)
<i>Phuq</i>	(“gốc, khóm”)
<i>Sa Panah</i>	(“một nửa, một phần”)
<i>Usǎr</i>	(“hạt”)
- Họ <i>Pupôr</i> có các chi:	
<i>Đoq</i>	(“khoai môn”)
<i>Habâu</i>	(“tro bếp”)

Trên các giấy tờ hành chính, chi không được ghi thành một yếu tố trong họ và tên (ở vị trí này chỉ có họ). Tuy vậy, trong một xã hội vẫn còn những dấu tích của đại gia đình mẫu hệ truyền thống như ở người Ra-glai, tên của chi lại luôn được nhắc nhở và ghi nhớ, đặc biệt mỗi khi những đôi trai gái báo với cha mẹ ông bà để xin được lấy nhau. Đây là một dịp để ông bà cha mẹ nhắc lại cội nguồn với con cháu. Trong cộng đồng Ra-glai, cùng với “họ”, “chi” đã trở thành một vật cản quy ước để tránh loạn luân. Thời nay, nam nữ cùng một họ nhưng khác chi vẫn có thể có quan hệ hôn nhân. Như vậy, cùng với sự phát triển của xã hội người Ra-glai, vai trò chính yếu của “họ” đã có xu hướng chuyển sang cho “chi”.

### 4.3. Những huyền thoại có liên quan đến các họ của người Ra-glai

Người Ra-glai có một số huyền thoại (truyện dân gian truyền miệng, thường mang yếu tố kỳ lạ) có liên quan đến các họ. Thập thoán sau yếu tố thần kỳ hư ảo của các truyện này, có thể thấy được phần nào bản chất của các “họ” và “chi” trong quan niệm của người Ra-glai.

#### Truyện thứ nhất

Ngày xưa có một trận lụt khủng khiếp, hai anh em nhà kia một trai một gái chui vào một cái trống trôi lên đênh và được Ông Bà thần thánh tên là Misiriq và Pila cứu sống. Khắp nơi không còn ai, hai người phải lấy nhau và sinh con đẻ cái.

Ngày ấy, người chỉ có tên, chưa có họ. Mọi

người chung sống với nhau trong một nhà. Lớn lên, con trai con gái thương nhau lấy nhau, rồi lại sinh con cái... Ông Trời thấy thế nổi giận, liền sai thần Sám Sét xuống trị tội.

Hôm ấy, cả nhà đang ăn cơm, bỗng thấy chớp loá mắt, tiếng sấm sét nổ inh tai, đất lở đá lăn âm ầm. Mâm cơm và cả nhà bị hất văng đi mọi phía. Cũng may không ai bị thương tích: Người thì kip nấp vào đồng tro bếp, người thì gốc cau, người thì bụi dây, người thì trong khe đá, người thì dưới gốc bo bo... Sau lần đó, ông bà Misiriq và Pila liền lấy ngay chỗ mỗi người nấp vào để đặt ra họ cho từng người. Người thì có họ là “Đá Mài” (tiếng Ra-glai là *Patâu Asah*), người thì họ “Cau” (*Pinǎng*), người thì họ “Bo Bo” (*Kator*)... Cũng từ đó, những người cùng một họ không được lấy nhau làm vợ chồng, vì sợ ông Trời đánh chết.

#### Truyện thứ hai

Ngày xưa trai gái thương nhau lấy nhau, không phân biệt gốc gác. Người Ra-glai chỉ có tên, chưa có họ.

Ở nhà nọ, mỗi lần đi rẫy về đều thấy nhà cửa sạch sẽ, cơm canh nấu sẵn ngon lành. Anh con trai cố ý rình xem ai đến giúp mình. Một lần chàng trai đi rẫy về sớm, nhìn thấy một người con gái rất đẹp từ trong bếp đi ra. Chàng trai mừng quá, giữ lấy, không cho trốn vào bếp nữa. Hai người lấy nhau, sinh con cái, đặt họ cho chúng là “Bếp Tro” (*Pupôr*).

Ở nhà khác, có một quả bầu đựng hạt bo bo bị quên lâu ngày. Hàng ngày, từ trong quả bầu đi ra cô gái đẹp quét dọn nhà cửa, nấu nướng cơm canh, nghe tiếng động lại trốn vào quả bầu. Anh con trai trong nhà rình thấy cô gái, liền đập vỡ quả bầu. Cô gái hết chỗ trốn, đành làm vợ chàng trai. Họ sinh con cái, đặt họ là “Bo Bo” (*Kator*).

Ở nhà khác nữa, trên rẫy có cây cau có bím to rất lâu ngày mà không trổ hoa. Hàng ngày, có cô gái rất đẹp từ trong bím cau đi ra, đuôi chim thú đến phá rẫy, rồi lại chui vào bím cau. Chàng trai rình thấy, đợi cô gái đi ra rồi bắn mũi tên vào bím cau. Cô gái hết chỗ trốn, đành lấy chàng trai. Con cái hai người lấy họ là “Cau” (*Pinǎng*)...

Kể từ đó, người trong cùng một họ không được lấy nhau...

## 5. Thảo luận

### 5.1. “Họ” Ra-glai sinh ra từ đâu, trong quan niệm dân gian?

Trong các huyền thoại, người kể đều khẳng định: Trước khi xảy ra câu chuyện này, người Ra-glai chỉ có tên, không có họ, vì vậy lấy nhau lẫn lộn. “Họ” là một sản phẩm hậu kì, xuất phát từ nhu cầu

phân biệt gốc gác, để không lầy lẫn nhau, để khỏi làm cho “Ông Trời nổi giận trừng phạt”. Phạm phải điều kiêng kỵ cao nhất (loạn luân) này, sự trừng phạt không chỉ đối với cá nhân, mà với cả cộng đồng, sẽ có mưa to sấm sét, đất lở đá lăn, hạn hán, mất mùa, dịch bệnh... Tóm lại, “họ” là một vật cản quy ước, chủ yếu để chỉ một đơn vị ngoại hôn và để tránh loạn luân.

Các già làng kể rằng, ngày xưa để Ông Trời không trừng phạt vì phạm tội loạn luân, hai người phạm tội phải đi vào một cái nhà trông như chuồng heo. Khi vào, họ vào chung một cửa và lúc ra đi theo hai cửa khác nhau. Vào nhà, họ phải ăn cháo theo cách của loài heo: bò lồm cồm, cùng chúi đầu húp cháo trong một cái máng.

Trong các huyền thoại, các sự vật có tên được lấy làm “họ” cho người là các sự vật vô sinh (bếp tro, đá mài...) hoặc thực vật (khoai môn, cau, bo bo...) – không có động vật. Các sự vật này là nơi ẩn náu lúc hoạn nạn cần chỗ che, hoặc là nơi xuất thân – nhập thân trước khi bước vào đời sống bình thường. Sự xuất hiện của các sự vật này có vẻ như ngẫu nhiên, nhưng cũng có vẻ gì khác thường và thiên định (hoặc trong một bối cảnh khác thường và thiên định). Nhìn chung, các sự vật có tên được lấy làm “họ” cho người Ra-glai là các “vật thiêng”, “vật bảo trợ”, mang hoặc mang phần nào đặc tính của các totem (sự vật hay hiện tượng tự nhiên được người xưa tin là có mối liên hệ với thần linh, có sự gắn gũi máu mủ với mình và coi là biểu tượng thiêng liêng của mình).

### 5.2. “Họ” phản ánh những gì trong tự nhiên và đời sống xã hội Ra-glai?

Trong các huyền thoại, “họ” còn được phản ánh là hiện thực sống quần cư của những người cùng hoàn cảnh (cùng là con cháu của một cặp vợ chồng, hoặc cùng chưa lập gia đình...). Một hiện thực khác: Câu chuyện thứ hai cho thấy hầu hết các sự vật có tên được lấy làm “họ” đều là nơi ẩn náu của những “cô gái xinh đẹp chăm chỉ”... Như vậy, “họ” chủ yếu có liên quan đến người đẻ ra những con cái có “họ” về sau này, đến phái nữ, hay “bà tổ” trong gia đình chung ban đầu. “Họ” của người Ra-glai gắn với những dấu tích của hình thái đại gia đình trong các thị tộc mẫu hệ; “Chi” ghi nhận sự hình thành những đơn vị ngoại hôn, cùng với sự chuyển biến từ đại gia đình mẫu hệ thành các tiểu gia đình dưới tác động của nhiều nhân tố như hiện nay.

Hiện nay trong tiếng Ra-glai, có từ được dùng phổ biến để chỉ khái niệm “họ, họ hàng, dòng họ”, là *pitiàq* (hoặc *pitiàt*, *apok pitiàt*). Ở một số địa phương gần với khu vực cư trú của người Chăm,

còn có từ *gauq* (hay *gâuq*) để chỉ “họ” – được mượn từ tiếng Chăm. Ở những vùng gần với người Cơ Ho, còn có từ *joj nòi* để chỉ khái niệm này – mượn từ tiếng Cơ Ho. Trong một số tài liệu dân tộc học, có tác giả viết là *pitiàq* có nghĩa là “bung, ruột”. Điều này rõ ràng là không đúng (trong tiếng Ra-glai, để chỉ “bung” và “ruột” là các từ khác). Tuy nhiên, ngôn ngữ này có một từ rất gần với *pitiàq* (*pitiàt*) không những về cách phát âm mà còn ở cả logic “chung tổ tiên, cùng huyết thống” là *matiat* (có nghĩa là “thai”). Từ *matiat* khiến ta nghĩ đến từ *đồng bào* của tiếng Việt (chỉ những người cùng giống nòi).

Trong quan niệm chung của người Ra-glai, khái niệm “họ” cũng tương tự như ở người Việt và nhiều dân tộc khác, là “tập hợp những người có cùng một tổ tiên”. Tuy nhiên, “họ” của người Ra-glai gắn liền với các vật thực được coi là biểu tượng thiêng liêng và với những điều kiêng kỵ trong luật tục, chứ không phải chung chung trừu tượng. Ngoài ra, “họ” của người Ra-glai không xuất hiện thường xuyên và có hình thức tương đối cố định bên cạnh tên riêng, như một yếu tố khu biệt bổ sung của tên riêng. Nó mang tính quy ước (của nguyên tắc ngoại hôn trong nội bộ cộng đồng) hơn là quản lý hành chính của Nhà nước.

Họ của người Ra-glai thường được biểu thị bằng các từ ngữ vốn chỉ những sự vật cụ thể hoặc các sự kiện có thể giải thích được. Điều này phản ánh phần nào quan niệm vạn vật hữu linh (qua “biểu tượng thiêng liêng” mang tính totem và huyền thoại hoá gốc gác của mình), đồng thời gắn liền với những thiết chế (xử phạt và thờ cúng) nhằm đảm bảo sự kiêng kỵ loạn luân và sâu xa hơn là hướng tới sự an toàn và cố kết cho cộng đồng. Họ ít khi nhắc đến trong đời sống hàng ngày, tuy nhiên lại tồn tại trong ý thức của người Ra-glai, được truyền đi và nhắc nhở từ đời này sang đời khác.

### 5.3. “Họ” Ra-glai: “linh thiêng hóa” - “mắt thiêng” - “nguyên bản” hoặc “nhã hóa”

Có thể nghĩ rằng ở cộng đồng Ra-glai, các họ thường xuất phát từ tên gọi các sự vật được xem như đặc điểm sinh thái nổi bật ở nơi cư trú. Dần dà các sự vật này được “linh thiêng hóa”. Từ đó, chúng trở nên rất khó giải thích lý do (mối liên hệ giữa sự vật với “họ”) và lý do càng mờ nhạt thì chúng càng trở thành huyền bí trong niềm tin thơ ngây rằng đã gắn liền với tổ tiên hay nguồn cội thiêng liêng của con người.

Trên các giấy tờ hành chính hiện nay ở vùng dân tộc Ra-glai, các họ vừa kể đã được ghi nhận như các “họ” chính thức. Tuy nhiên, hình thức của chúng

không ổn định, hay nói cách khác: Âm hưởng hay đường nét – chữ viết của những họ này không được xem là quan trọng bằng các “biểu tượng thiêng liêng” do chúng biểu thị. Hơn nữa, như đã nói ở trên, trong xã hội Ra-glai truyền thống, họ không gắn liền với tên riêng như một nét khu biệt bổ sung. Chính vì vậy, các họ này đã được “chuyển dịch” sang tiếng Việt, căn cứ vào âm hoặc nghĩa. Thoạt đầu, sự “chuyển dịch” này cố gắng phản ánh được những “biểu tượng thiêng liêng”, sau đó đến lượt mình chính các biểu tượng này phải nhường bước cho yêu cầu thẩm mỹ (“nhã”).

Như trên đã phân tích, các họ của người Ra-glai đã có một quá trình theo các hướng bảo lưu và biến đổi, được Việt hóa theo cách “chuyển âm, dịch nghĩa” và chọn sử dụng theo hướng “nguyên bản” hoặc “nhã hóa”.

#### 5.4. “Họ” Ra-glai thời nay như thế nào?

Họ của người Ra-glai có số lượng không nhiều và không thường gắn liền với tên riêng như ở một số dân tộc khác (chẳng hạn ở người Kinh, Thái, Dao, Mông...). Điều đó nói lên rằng vai trò của họ trong xã hội Ra-glai không đa dạng, hoặc mới chỉ nảy sinh gần đây (trong quản lý hộ tịch, hoặc ngày càng có nhiều người đi khỏi cái làng khép kín để đến những làng khác hoặc hoà nhập vào đời sống xã hội rộng lớn hơn).

Cùng với những biến đổi trong đời sống kinh tế – xã hội và sự tiếp xúc với các dân tộc khác, kết cấu xã hội truyền thống của người Ra-glai đã và đang có những biến đổi, trong đó rõ rệt nhất là đối với gia đình và làng. Cùng với những biến đổi này, “họ” trong quan niệm và thực tế đời sống cũng không giữ nguyên như trước, trong đó đặc biệt đáng chú ý là xu hướng “mất thiêng” của họ (bên cạnh xu hướng bảo lưu), sự chuyển vai trò chính yếu của họ sang các chi (và dần dà họ chỉ là hình thức), sự “chuyển dịch” họ sang tiếng Việt với yêu cầu thẩm mỹ đã có thể lấn át yêu cầu biểu thị sự vật (kết quả là “biểu tượng thiêng liêng” bị mờ nhạt), sự tiếp nhận yếu tố *Thiq* (*Thi*) chỉ giới tính trong tên nữ, hoặc thậm

chí mang họ của người Kinh hoặc của người Chăm.

Quá trình “tiếp biến văn hóa” này vừa mang ý nghĩa tích cực và hạn chế. Nó có thể khiến cho một số nét văn hóa Ra-glai không còn “nguyên bản” nữa.

#### 6. Kết luận

Người Ra-glai là chủ nhân của vốn văn hoá phong phú và độc đáo, nhưng cho đến nay chưa được hiểu biết tường tận. Một trong những nét quan trọng làm nên bản tính tộc người, đồng thời là phương tiện bảo tồn và phát triển nhiều thành tố văn hoá khác, là ngôn ngữ, trong đó có họ (và tên) của người Ra-glai.

Đối với bất kỳ mỗi cá nhân nào, họ và tên luôn luôn là những âm thanh (và chữ) “quan trọng hơn hết thảy” những âm thanh (và chữ) khác. Đối với mỗi người Ra-glai, “họ” vừa có ý nghĩa tập hợp và cố kết đối với những người có cùng tổ tiên (trong sự phân biệt với những người không có cùng tổ tiên) vừa được xem là có giá trị khu biệt đối với tên riêng (hiểu theo nghĩa rộng) của người Ra-glai. Các họ (và chi) của người Ra-glai đang trong quá trình bảo lưu và biến đổi, được Việt hóa theo cách “chuyển âm, dịch nghĩa” và lựa chọn sử dụng theo hướng “nguyên bản” hoặc “nhã hóa”.

Có thể hình dung thấy đằng sau các họ này, là một phần về đời sống xã hội và văn hoá tinh thần của người Ra-glai. Mỗi họ thường gắn liền với một sự tích, một câu chuyện, phản ánh phần nào lối tri nhận của họ về thế giới.

Trong những câu chuyện đó, bối cảnh mơ hồ nguyên thủy và những vật linh có thể được coi là một đặc tính góp phần tạo nên phong vị huyền thoại. Bằng cách tạo nên một thời gian và không gian nghệ thuật kì ảo (tương phản với không gian và thời gian trần thế), các tác giả dân gian đã đặt những *totem* ấy vào xa xăm, nhờ đó cho phép câu chuyện có những tình tiết thần kỳ, những phép lạ, sự hiếm họa và những chờ che. “Họ” là kết quả của sự hư cấu, trí tưởng tượng phong phú, là ước vọng cố kết và an lành của cộng đồng Ra-glai, trước khi dùng để ghi danh trong quản lý nhà nước.

#### Tài liệu tham khảo

Baker, C. (2008). *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ* (Đ. L. Giang, Biên dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

Bochet, G., & Dournes, J. (1953). *Vietnamien – Koho – Roglai – Français Lexique polyglote*. Editions France - Asie. Sai Gon.

Biên, P. X. (1998). *Văn hóa và xã hội người Ra-glai ở Việt Nam* (Chủ biên). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Crystal, D. (2000). *Language Death*. Cambridge University Press.

Dél, R., & Sinh, T. V. (1974). Vài nét về ngôn ngữ Malayo – Pôlinésia. *Tap Chí Ngôn Ngữ*, (Số 1).

- Gregerson, J.K. (1993). Viện Ngôn ngữ học mùa hè trong công cuộc xoá mù chữ đối với các dân tộc ở Việt Nam: cách nhìn lịch sử và phương pháp luận. Trong *Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số phía Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Ladefoged, P. (1992). Another view of endangered languages. *Language*, 68(4), 809–811.
- Maxwell. (1969). *Bài học tiếng Rơglai – Northern Rơglai Language Lessons*. Viện Chuyên khảo Ngữ học mùa hè. Sài Gòn.
- Romaine, S. (2007). Preserving Endangered Languages. *Language and Linguistics Compass*, 1(1–2), 115–132.
- Sang, N. T. (1993). *Truyện cổ Rơglai*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Tân, M. (2019). Người sáng tạo chữ viết Rơglai được phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú. Truy cập 28/6/2019 từ website: <https://tuoitre.vn/nguoi-sang-tao-chu-viet-raglaiduoc-phong-tang-danh-hieu-nghe-nhan-uu-tu-20190628163827427.htm>.
- Thomas, D., Lee, E. W., & Liêm, N. Đ. (1977). *Papers in South East Asian Linguistics, No4 Chamic Studies*. Department of Linguistics Research School of Pacific Studies (The Australian National University).
- Thông, T. V. (2009). Tiếng Ra-glai ở các địa phương. Trong *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Thông, T. V., & Tùng, T. Q. (2017). *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Triết, N. T. (1991). *Người Rơglai ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Tuệ, H. (1984). *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam và chính sách ngôn ngữ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Viện Ngôn ngữ học. (1993). *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

## SURNAME OF RA-GLAI PEOPLE

Ta Van Thong<sup>a</sup>  
Ta Quang Tung<sup>b</sup>

<sup>a</sup> Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia

Email: [tavanthong1955@gmail.com](mailto:tavanthong1955@gmail.com)

<sup>b</sup> Vietnam Institute of Linguistics

Email: [quangtung7391@gmail.com](mailto:quangtung7391@gmail.com)

Received: 07/5/2020

Reviewed: 14/9/2020

Revised: 16/9/2020

Accepted: 23/9/2020

Released: 30/9/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/400>

### Abstract

In the language and spiritual culture of Ra-glai people, the surname (and first name) need to be paid attention from many aspects. Behind these very special words is social and cultural life, which partly reflects the perception of the world of Ra-glai people.

Raglai “surname” are often referred to as “sacred objects” or “patrons”, are totems or characteristics oftotems (things or natural phenomenas believed to be related to gods by the ancients, have a close bloody relation and be considered as their own sacred symbols). Through legends, it can be seen that the original “surnames” of the Raglai often contain “female” characteristics, associated with the traces of the great family form in matriarchal clans.

“Surnames” of the Ra-glai that are currently in the process of reservation and transformation are Vietnamized by “transliteration, translation”. This “cultural continuity” may make some of the Ra-glai culture no longer be “original”.

### Keywords

Surname; Totem; Ra-glai people; Ra-glai language; Legendary; Ethnic culture.